

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI,
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/HS-ST
Ngày 19 – 11 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Thị Kim Khuyên

2. Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Khánh Nguyệt – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử số 1 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 82/2018/HSST ngày 27 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 94/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Quang M**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 12/3/1967 tại thành phố L. Nơi cư trú: Tổ 16, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công nhân công ty T; Chức vụ Đảng: Bí thư chi bộ trạm sửa chữa bảo dưỡng Chi nhánh khai thác 2 thuộc công ty T. Bố đẻ: Lê Quang N - Sinh năm 1939. Nghề nghiệp: Hưu trí; mẹ đẻ: Lê Thị D - Sinh năm 1941. Nghề nghiệp: Hưu trí, cả hai cùng trú tại phường P, thành phố L. Gia đình bị cáo có 04 anh, em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Vợ: Cao Thị Thúy H. Sinh năm 1970. Hiện đang cư trú tại tổ 16, phường P, thành phố L. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1994, hiện đang trú tại thành phố Hà Nội, bé sinh 2004. Hiện đang trú tại tổ 16, phường P, thành phố L. Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo Lê Quang M bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/5/2018 đến ngày 29/5/2018. Hiện Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 16, phường P, thành phố L. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Tuấn A**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 05/7/1981 tại Y, Nam Định. Nơi cư trú: Tổ 31, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công nhân công ty T. Bố đẻ: Nguyễn Cao X - Sinh năm 1948; Nghề nghiệp: Hưu trí; mẹ đẻ: Đào Thị N. Sinh năm 1954. Nghề nghiệp: Tự do. Cả hai cùng trú tại tổ 31, phường P, thành phố L. Gia đình bị cáo có 04 anh, chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Hiện đang trú tại tổ 31, phường P, thành phố L. Bị cáo có 01 con, sinh năm 2015, hiện trú tại tổ 31, phường P, thành phố L. Tiền sự: Không; Tiền án: 01 đã được xóa án tích, cụ thể:

Tại Bản án số 101/2013/HSST ngày 23/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố L tuyên phạt Nguyễn Tuấn A 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 14 ngày; Tịch thu của Nguyễn Tuấn A 2.100.000 đồng sung quỹ Nhà nước; Án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Ngày 16/10/2013, Nguyễn Tuấn A đã thi hành xong khoản tiền 2.100.000 đồng tịch thu sung quỹ Nhà nước. Ngày 21/11/2013, Nguyễn Tuấn A đã thi hành xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tháng 9/2014, Nguyễn Tuấn A chấp hành xong thời gian thử thách án treo. Bị cáo Nguyễn Tuấn A bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/5/2018 đến ngày 29/5/2018. Hiện Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 31, phường P, thành phố L. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Hoàng Anh T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 23/8/1974 tại thành phố L. Nơi cư trú: Tổ 08, phường Bình M, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công nhân công ty T. Bố đẻ: Hoàng Ngọc H - Sinh năm 1952 (Đã chết); mẹ đẻ: Nguyễn Thị C. Sinh năm 1942. Nghề nghiệp: Hưu trí. Hiện trú tại tổ 08, phường Bình M, thành phố L. Gia đình bị cáo có 06 anh, chị, em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Bị cáo có vợ là Lương Thị Y, sinh năm 1978. Hiện đang trú tại tổ 08, phường Bình M, thành phố L. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2002, bé sinh năm 2014, hiện cùng trú tại tổ 08, phường Bình M, thành phố L. Tiền sự: Không; Tiền án: 01, hiện đã được xóa án tích, cụ thể:

Tại Bản án số 101/2013/HSST ngày 23/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố L tuyên phạt Hoàng Anh T 08 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Đánh bạc*”; Án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Ngày 08/10/2013, Hoàng Anh T đã thi hành xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tháng 2/2014, Bị cáo chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo Hoàng Anh T bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/5/2018 đến ngày 29/5/2018. Hiện Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 08, phường Bình M, thành phố L. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Hồ Sỹ T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 03/6/1970 tại H, Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Tổ 31, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công nhân công ty T. Chức vụ Đảng: Đảng viên chi bộ trạm sửa

chữa bảo dưỡng Chi nhánh khai thác 2 thuộc công ty T. Bố đẻ: Hồ Sỹ T - Sinh năm 1925 (Đã chết); mẹ đẻ: Trần Thị T - Sinh năm 1935. Nghề nghiệp: Tự do. Hiện đang trú tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Gia đình bị cáo có 03 anh, chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L - Sinh năm 1979. Hiện đang trú tại tổ 31, phường P, thành phố L. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2009, bé sinh 2014. Hiện cả hai đang trú tại tổ 31, phường P, thành phố L. Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo Hồ Sỹ T bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/5/2018 đến ngày 29/5/2018. Hiện Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 31, phường P, thành phố L. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Phạm Cao T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 27/12/1969 tại Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Tổ 19, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công nhân công ty T. Bố đẻ: Phạm Quang T - Sinh năm 1926 (Đã chết); mẹ đẻ: Nguyễn Thị P - Sinh năm 1927 (Đã chết). Gia đình bị cáo có 07 anh, chị, em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị N - Sinh năm 1973. Hiện đang trú tại tổ 19, phường P, thành phố L. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1992, hiện đang trú tại tỉnh Kiên Giang, bé sinh 2004, hiện trú tại tổ 19, phường P, thành phố L. Tiền sự: Không; Tiền án: 01, hiện đã được xóa án tích, cụ thể:

Tại Bản án số 101/2013/HSST ngày 23/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố L tuyên phạt Phạm Cao T 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 01 tháng 08 ngày về tội “*Đánh bạc*”; Án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Ngày 11/10/2013, Phạm Cao T đã thi hành xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tháng 10/2014, Bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách của án treo. Bị cáo Phạm Cao T bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/5/2018 đến ngày 29/5/2018. Hiện Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 19, phường P, thành phố L. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Vũ Đức C**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 24/5/1985 tại huyện T, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Thôn Dạ 2, xã Cam Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công nhân công ty T. Bố đẻ: Vũ Đức D - Sinh năm 1954; mẹ đẻ: Nguyễn Thị Đ - Sinh năm 1957. Hiện cả hai đang trú tại thôn D, xã Cam Đ, thành phố L. Gia đình bị cáo có 02 chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, chưa có con. Tiền sự: Không; Tiền án: 01, hiện đã được xóa án tích, cụ thể:

Tại Bản án số 101/2013/HSST ngày 23/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố L tuyên phạt Vũ Đức C 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Đánh bạc*”; Tịch thu của Vũ Đức C 71.000 đồng sung quỹ Nhà nước; Án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Ngày 10/10/2013, Vũ Đức C đã thi hành xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và 71.000 đồng số tiền phải tịch thu để sung quỹ Nhà nước. Tháng 3/2014, Bị cáo chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo Vũ Đức C bị bắt, tạm giữ từ ngày

20/5/2018 đến ngày 29/5/2018. Hiện Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn Dạ 02, xã Cam Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Nguyễn Thành L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 19/12/1983 tại Lào Cai. Nơi cư trú: Thôn 03, xã Đồng T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công nhân công ty T. Bố đẻ: Nguyễn Xuân Q - Sinh năm 1956; mẹ đẻ Nguyễn Thị N - Sinh năm 1958. Hiện cả hai đang trú tại thôn Bản Bay, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Gia đình bị cáo có 03 chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Vợ: Cao Thị Vân A- Sinh năm 1988. Hiện đang trú tại thôn 03, xã Đồng T, thành phố L. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2012, bé sinh năm 2016, hiện cả hai đều trú tại thôn 03, xã Đồng T, thành phố L. Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo Nguyễn Thành L bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/5/2018 đến ngày 29/5/2018. Hiện Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn 03, xã Đồng T, thành phố L. Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **An Văn C**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 02/3/1971 tại Lào Cai. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công nhân công ty T. Chức vụ Đảng: Đảng viên chi bộ trạm sửa chữa bảo dưỡng Chi nhánh khai thác 2 thuộc công ty T. Bố đẻ: An Văn Chính - Sinh năm 1933 (Đã chết); mẹ đẻ: Đàm Thị C - Sinh năm 1935. Nghề nghiệp: hưu trí. Hiện trú tại thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Gia đình bị cáo có 07 anh, chị, em, bị cáo là con thứ bảy trong gia đình. Vợ: Hoàng Thị Giang T- Sinh năm 1980. Hiện trú tại thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, bé sinh năm 2016, hiện cả ba đều trú tại thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo An Văn C bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/5/2018 đến ngày 29/5/2018. Hiện Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn Đ, xã T, thành phố L. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Mạnh C

Địa chỉ: Tổ 05, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người chứng kiến:* Anh Lưu Văn H

Địa chỉ: Thôn 08, xã Đồng T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 20/5/2018 tại xí nghiệp khai thác 2 thuộc công ty T, xã Đồng T, thành phố L, trong khi ngồi uống nước nói chuyện, Lê Quang M, Hoàng Anh T, Vũ Đức C, Nguyễn Tuấn A và một số đồng nghiệp thông nhất rủ nhau đến nhà Lưu Văn H tại thôn 08, xã Đồng T, thành phố L để đánh bạc ăn tiền. Sau đó Lê Quang M điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA màu xanh BKS 24K5 – 9758 và Vũ Đức C điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu xanh đen BKS 24B2 – 149.16 đến nhà Lưu Văn H. Khi đến nơi, do không gặp ai ở nhà Lưu Văn H nên Lê Quang M và Vũ Đức C ngồi ở phòng khách đợi, Lê Quang M gọi điện giục Hoàng Anh T đến nhà Lưu Văn H đánh bạc. Hoàng Anh T điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu đỏ đen BKS 24B1 – 179.83 đến nhà Lưu Văn H, đi vào phòng khách và nằm ở trên ghế. Ngay sau đó, Nguyễn Tuấn A cũng đến nhà Lưu Văn H. Tại đây Nguyễn Tuấn A gọi điện thoại thông báo cho Nguyễn Thành L về việc mọi người đang ở nhà của Lưu Văn H, đồng thời bảo Hoàng Anh T gọi điện cho Phạm Cao T, sau đó Hoàng Anh T gọi điện và hỏi Phạm Cao T có ra nhà Lưu Văn H được không thì Phạm Cao T nói đang làm việc. Thấy vậy Lê Quang M lấy kéo cắt 04 quân vị từ lá bài tứ lơ khơ. Trong lúc này, Hồ Sỹ T điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu đỏ đen BKS 24B2 – 028.37 và An Văn C điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA VISION màu đỏ đen BKS 24B2 – 365.13 lần lượt đến nhà Lưu Văn H. Sau khi cắt 04 quân vị xong, Lê Quang M xuống bếp nhà Lưu Văn H lấy 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ rồi đi lên phòng ngủ giữa cầu thang. Khi vào phòng, Lê Quang M ngồi trên 01 chiếc thảm nỉ màu đỏ ở vị trí sát tường, mặt hướng ra phía cửa ra vào phòng. Lúc này ở dưới tầng, Hồ Sỹ T trả nợ số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho Nguyễn Tuấn A, đồng thời gọi điện cho Phạm Cao T để thông báo về việc mọi người đang ở nhà Lưu Văn H. Sau đó, Nguyễn Tuấn A, Vũ Đức C, An Văn C, Hồ Sỹ T, Hoàng Anh T lần lượt đi lên phòng để đánh bạc. Một lúc sau, Nguyễn Thành L đi bộ một mình đến nhà Lưu Văn H và tham gia đánh bạc cùng các bị cáo trên. Quá trình đánh bạc, Lê Quang M là người trực tiếp cầm cái xóc đĩa, những người còn lại thì đặt tiền và cùng thống nhất với quy định, nếu trong 04 quân vị mà có 03 quân vị cùng màu, 01 quân vị khác màu thì là “*Lẻ*”, nếu cả 04 quân vị hoặc có 02 quân vị cùng màu thì là “*Chẵn*”, dây bên tay trái trước mặt người cầm cái là “*Cửa lẻ*”, dây bên tay phải trước mặt người cầm cái là “*Cửa chẵn*”. Nếu ai đánh cửa chẵn mà kết quả sau khi mở bát về chẵn thì người đó thắng và sẽ được người cầm cái trả gấp đôi số tiền đã đặt cược, còn người đánh lẻ sẽ thua và mất số tiền đã đặt cược và ngược lại, quy ước mỗi lần tham gia đặt cược, số tiền của mỗi người chơi thấp nhất là 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), không giới hạn số tiền đặt cược cao nhất. Sau khi thỏa thuận xong, Lê Quang M để 04 quân vị vào đĩa sứ rồi úp bát lên xóc đều nhiều lần rồi dừng lại đặt xuống chiếu để mọi người đặt cược tiền bên lẻ và bên chẵn như đã quy ước trên. Trong lúc Lê Quang M, Nguyễn Tuấn A, Hoàng Anh T, Vũ Đức C, Hồ Sỹ T, An Văn C và Nguyễn Thành L đang đánh bạc thì Nguyễn Mạnh C điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu xanh, đen BKS 24B1 – 0550 đến nhà Lưu Văn H chơi, thấy các bị cáo trên đang ngồi đánh bạc nên Nguyễn Mạnh C ngồi xem. Một lúc sau, Phạm Cao T đi nhờ xe của

đồng nghiệp để đến nhà Lưu Văn H tham gia đánh bạc cùng các bị cáo trên. Đến 16 giờ cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an thành phố L bắt quả tang.

Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm: Thu trên chiếu bạc số tiền 37.700.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*), 01 (*Một*) bát sứ màu trắng, 01 (*Một*) đĩa sứ hình tròn màu trắng, 04 (*Bốn*) quân vị hình tròn cắt ra từ lá bài tứ lơ khơ và 01 (*Một*) tấm thảm nỉ màu đỏ, kích thước 2 x 2,02 mét. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ tổng số tiền và một số giấy tờ, tài sản khác, cụ thể như sau:

- Tạm giữ của Lê Quang M: 39.489.000 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng*); 01 (*Một*) chứng minh thư nhân dân, 01 (*Một*) giấy phép lái xe mang tên Lê Quang M; 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu xanh BKS 24K5 – 9758; 01 đăng ký mô tô, xe máy mang tên Cao Thị Thúy Hồng và 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY A7 (*Điện thoại đã qua sử dụng*).

- Tạm giữ của Nguyễn Tuấn A: 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A7 màu trắng (*Điện thoại đã qua sử dụng*); 01 (*Một*) chứng minh thư nhân dân, 01 (*Một*) Giấy phép lái xe và 01 (*Một*) đăng ký mô tô mang tên Nguyễn Tuấn A.

- Tạm giữ của Hoàng Anh T: 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY S3 PRO màu đen (*Điện thoại đã qua sử dụng*); 1.220.000 đồng (*Một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*); 01 (*Một*) đăng ký mô tô, xe máy của Lương Thị Yến; 01 (*Một*) giấy chứng minh nhân dân và 01 (*Một*) Giấy phép lái xe mang tên Hoàng Anh T.

- Tạm giữ của Hồ Sỹ T: 01 (*Một*) xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu đỏ đen BKS 24B2 – 028.37; 17.570.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*); 01 (*Một*) giấy chứng minh nhân dân và 01 (*Một*) đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hồ Sỹ T.

- Tạm giữ của Phạm Cao T: 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY E5 màu đen (*Điện thoại đã qua sử dụng*); 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm nghìn đồng*).

- Tạm giữ của Vũ Đức C: 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S PLUS màu hồng (*Điện thoại đã qua sử dụng*); 525.000 đồng (*Năm trăm hai mươi năm nghìn đồng*); 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu xanh đen BKS 24B2 – 149.16; 01 (*Một*) đăng ký mô tô và 01 (*Một*) giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đức C.

- Tạm giữ của Nguyễn Thành L: 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen (*Điện thoại đã qua sử dụng*) và 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

- Tạm giữ của An Văn C: 31.100.000 đồng (*Ba mươi một triệu một trăm nghìn đồng*); 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S màu trắng vàng (*Điện thoại đã qua sử dụng*); 01 (*Một*) thẻ Đảng viên, 01 (*Một*) giấy phép lái xe và 01 (*Một*) giấy chứng minh nhân dân mang tên An Văn C.

- Tạm giữ của Nguyễn Mạnh C: 01 (Một) đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Mạnh C; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen (*Điện thoại đã qua sử dụng*); 30.000 đồng (*Ba mươi nghìn đồng*).

- Tạm giữ tại nhà anh Lưu Văn H: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu xanh, đen BKS 24B1 – 0550; 01 (Một) xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu trắng đen BKS 24B1 – 018.31; 01 (Một) xe máy nhãn hiệu HONDA VISION màu đỏ đen BKS 24B2 – 365.13; 01 (Một) xe máy nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu đỏ đen BKS 24B1 – 179.83.

Cáo trạng số 73/KSĐT ngày 19/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Lê Quang M, Nguyễn Tuấn A, Hoàng Anh T, Hồ Sỹ T, Phạm Cao T, Vũ Đức C, Nguyễn Thành L và An Văn C về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Quang M, Nguyễn Tuấn A, Hoàng Anh T, Hồ Sỹ T, Phạm Cao T, Vũ Đức C, Nguyễn Thành L và An Văn C phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Quang M từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng. Phạt bị cáo 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A và Phạm Cao T từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Phạt bị cáo 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hoàng Anh T từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Phạt bị cáo 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 36; điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hồ Sỹ T từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bị cáo 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 20 đến 30 triệu đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

- Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vũ Đức C từ 9 đến 12

tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Phạt bị cáo 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo An Văn C từ 20 đến 30 triệu đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

* Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng, 04 quân vị hình tròn cắt ra từ lá bài tứ lơ khơ và 01 tấm thảm nỉ màu đỏ, kích thước 2 x 2,02 mét. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 38.800.000 đồng (*Ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*) là số tiền thu giữ tại chiếu bạc mà các bị cáo đã và định sử dụng để đánh bạc.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố L, tỉnh Lào Cai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Lê Quang M, Nguyễn Tuấn A, Hoàng Anh T, Hồ Sỹ T, Phạm Cao T, Vũ Đức C, Nguyễn Thành L và An Văn C đã khai nhận tội, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và tang vật thu giữ. Ngày 20/5/2018 các bị cáo đã có hành vi đánh bạc với mục đích sát phạt lẫn nhau nhằm thu lợi bất chính thì bị tổ công tác thuộc đội cảnh sát điều tra hình sự Công an thành phố L phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo đã và định sử dụng vào mục đích đánh bạc là 38.800.000 đồng (*Ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*). Hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội “*Đánh bạc*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Lê Quang M giữ vai trò chính trong vụ án, là người trực tiếp chuẩn bị dụng cụ là 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng, 04 quân vị hình tròn cắt ra từ lá bài tứ lơ khơ và 01 tấm thảm nỉ màu đỏ, kích thước 2 x 2,02 mét để đánh bạc, là người trực tiếp cầm cái xóc đĩa và dùng số tiền 8.300.000 đồng (*Tám triệu ba*

trăm nghìn đồng) để đánh bạc, khi bị bắt quả tang, Lê Quang M đang thắng. Bị cáo không tham gia đặt cược và thu lời từ việc đánh bạc, không có sự hứa hẹn phân chia lợi nhuận.

Đối với các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Hoàng Anh T, Phạm Cao T, Hồ Sỹ T, Nguyễn Thành L, An Văn C và Vũ Đức C là những người trực tiếp tham gia chơi bạc tích cực, do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Tuấn A bỏ số tiền 3.300.000 đồng (*Ba triệu ba trăm nghìn đồng*) tham gia chơi bạc, khi bị bắt quả tang, Nguyễn Tuấn A đang thua số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); Bị cáo Hoàng Anh T bỏ số tiền 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tham gia chơi bạc, khi bị bắt quả tang, Hoàng Anh T đang bị thua tiền; Bị cáo Hồ Sỹ T bỏ số tiền 5.800.000 đồng (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*) tham gia chơi bạc, khi bị bắt quả tang, Hồ Sỹ T đang thắng; Bị cáo Phạm Cao T bỏ số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tham gia chơi bạc và để trong người 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) mục đích để đánh bạc, khi bị bắt quả tang, Phạm Cao T không thắng, không thua; Bị cáo Nguyễn Thành L bỏ số tiền 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tham gia chơi bạc, khi bị bắt quả tang Nguyễn Thành L đang bị thua; Bị cáo Vũ Đức C bỏ số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tham gia chơi bạc, khi bị bắt quả tang, Vũ Đức C đang thua số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*); Bị cáo An Văn C bỏ số tiền 5.100.000 đồng (*Năm triệu một trăm nghìn đồng*) tham gia chơi bạc, khi bị bắt quả tang, An Văn C đang bị thua.

Các bị cáo đều là những người có sức khỏe, có nhận thức, hiểu biết pháp luật và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nhận thức được rằng pháp luật Việt Nam nghiêm cấm tất cả các hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới mọi hình thức và mọi hành vi đánh bạc nhằm mục đích được thua bằng tiền đều là hành vi vi phạm pháp luật và đều phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Bốn bị cáo là Hồ Sỹ T, Nguyễn Tuấn A, Hoàng Anh T, Phạm Cao T, Vũ Đức C đã bị xét xử về hành vi đánh bạc nhưng đến nay đều được xóa án tích, tuy nhiên do thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng sử dụng số tiền 38.800.000 đồng (*Ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*) để đánh bạc, các bị cáo đều không có sự bàn bạc, phân công, nhiệm vụ của từng bị cáo, mà do các bị cáo là công nhân, sau khi tan ca làm, các bị cáo cùng rủ nhau ngồi uống nước tại quán nước. Trong lúc uống nước các bị cáo cùng rủ nhau đi đến nhà anh Lưu Văn H để đánh bạc. Khi đến nhà anh Hùng thì anh Hùng không có nhà, mà số người đến lúc đó chỉ có bị cáo Lê Quang M và bị cáo Vũ Đức C. Sau đó các bị cáo đã gọi thêm bị cáo Hoàng Anh T, Nguyễn Tuấn A, Phạm Cao T, Nguyễn Thành L... đến để cùng đánh bạc. Trong khi chưa có người đến tham gia đánh bạc thì bị cáo Minh đã lấy kéo cắt 04 quân vị từ lá bài tứ lơ khơ cũng như chuẩn bị bát, đĩa sứ. Khi các bị cáo Hồ Sỹ T, An Văn C đến thì bị cáo Minh là người trực tiếp cầm cái để các bị cáo cùng tham gia đánh bạc. Như vậy, bị cáo Minh phải là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án còn các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Hoàng Anh T, Hồ Sỹ T,

Phạm Cao T, Nguyễn Thành L, Vũ Đức C, An Văn C chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm trong vụ án. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố L và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo thật nghiêm khắc trước pháp luật để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo Lê Quang M, Nguyễn Tuấn A, Hoàng Anh T, Hồ Sỹ T, Phạm Cao T, Nguyễn Thành L, Vũ Đức C, An Văn C sau khi phạm tội các bị cáo đã được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Từ khi các bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, về địa phương, về đơn vị, các bị cáo đều được đơn vị cũng như địa phương xác nhận các bị cáo đều thực hiện tốt các chính sách pháp luật, không có hành vi vi phạm. Do vậy, đối với các hành vi của các bị cáo không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã, phường nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa và cải tạo các bị cáo thành công dân tốt cho xã hội. Trong vụ án có các bị cáo Lê Quang M, Hồ Sỹ T, An Văn C là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau khi các bị cáo bị khởi tố về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, theo quy định số 30-QĐ/TW ngày 26 tháng 7 năm 2016 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ công ty T đã ra quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với các bị cáo Lê Quang M, Hồ Sỹ T, An Văn C.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Lê Quang M, Nguyễn Tuấn A, Hoàng Anh T, Hồ Sỹ T, Phạm Cao T, Nguyễn Thành L, Vũ Đức C, An Văn C đã thật thà khai báo, trong đó các bị cáo Lê Quang M, Hồ Sỹ T, Nguyễn Thành L, An Văn C phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Lê Quang M có bố đẻ là ông Lê Quang N và mẹ đẻ là bà Lê Thị D đều được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, bản thân bị cáo Lê Quang M được tặng thưởng bằng khen của tập đoàn hóa chất Việt Nam vì đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất. Bị cáo Nguyễn Tuấn A có bố đẻ là ông Nguyễn Cao X được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo Hoàng Anh T có mẹ đẻ là Nguyễn Thị C được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, bản thân bị cáo được tặng thưởng bằng khen của tập đoàn hóa chất Việt Nam vì đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất; bị cáo An Văn C được Công ty APATIT Việt Nam cấp giấy chứng nhận sáng kiến trong lao động sản xuất; bị cáo Hồ Sỹ T có bố đẻ là Hồ Sỹ T được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, bản thân bị cáo Hồ Sỹ T được tặng thưởng bằng khen của tập đoàn hóa chất Việt Nam vì đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất; bị cáo Phạm Cao T có bố đẻ là Phạm Quang Tín được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Vũ Đức C trong quá trình sinh sống tại địa phương đã tích cực hợp tác với cơ quan công an trong việc phát hiện một vụ án mua bán trái phép chất ma túy, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s, điểm t, điểm v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét cần giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Hoàng Anh T, Phạm Cao T và Vũ Đức C ngày 23/8/2013 đã bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt về tội “Đánh bạc” với mức hình phạt đối với Nguyễn Tuấn A 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Phạm Cao T 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Hoàng Anh T 08 tháng cải tạo không giam giữ và Vũ Đức C 09 tháng cải tạo không giam giữ. Đối với bản án này tính đến ngày phạm tội, các bị cáo đều đã chấp hành xong và đã được xóa án tích; đối với bị cáo Hồ Sỹ T ngày 12/9/2000, đã bị Công an thị xã Cam Đ xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) về hành vi đánh bạc. Ngày 13/9/2000, bị cáo đã thi hành xong số tiền phải nộp phạt theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên, tính đến ngày phạm tội, bị cáo đã được xóa tiền sự. Điều đó cho thấy các bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình, không tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, khi xem xét cần cân nhắc hình phạt sao cho phù hợp với hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo.

[5] Vật chứng còn lại của vụ án gồm: 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng, 04 quân vị hình tròn cắt ra từ lá bài tứ lơ khơ và 01 tấm thảm nỉ màu đỏ, kích thước 2 x 2,02 mét là công cụ phạm tội của các bị cáo cần tịch thu tiêu hủy. Sung vào ngân sách nhà nước số tiền 38.800.000 đồng (*Ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*) là số tiền thu giữ tại chiếu bạc mà các bị cáo đã và định sử dụng để đánh bạc.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Mạnh C: Quá trình bắt quả tang, Nguyễn Mạnh C có mặt tại hiện trường. Tuy nhiên, qua điều tra xác định Nguyễn Mạnh C không tham gia đánh bạc. Do vậy, ngày 23/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản đã thu giữ của Nguyễn Mạnh C ngày 20/5/2018 và không đề cập xử lý đối với Nguyễn Mạnh C xét thấy là phù hợp (*Bút lục 20, 509 hồ sơ vụ án*).

Đối với anh Lưu Văn H là chủ nhà nơi các bị cáo đánh bạc, anh Lưu Văn H không biết các bị cáo tổ chức đánh bạc tại nhà mình, đồng thời, anh Lưu Văn H không hứa hẹn trước, không thu lợi nhuận từ việc đánh bạc của các bị cáo nên không cấu thành tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Lưu Văn H xét thấy là phù hợp.

Đối với các tài sản, giấy tờ thu giữ của các bị cáo và tại nhà Lưu Văn H ngày 20/5/2018 gồm: Của Lê Quang M: 39.489.000 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng*); 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Quang M; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Quang M; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu xanh BKS 24K5 – 9758; 01 đăng ký mô tô, xe máy mang tên Cao Thị Thúy Hồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY A7 (*Điện thoại đã qua sử dụng*). Của Nguyễn Tuấn A: 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Tuấn A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A7 màu trắng (*Điện thoại đã qua sử dụng*); 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Tuấn A; 01 đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Tuấn A. Của Hoàng Anh T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY S3 PRO màu đen (*Điện thoại đã qua sử dụng*); 1.220.000 đồng (*Một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*); 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Anh T; 01 đăng ký

mô tô, xe máy của Lương Thị Y; 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Anh T; Cửa Hồ Sỹ T: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ Sỹ T; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu đỏ đen BKS 24B2 – 028.37; 17.570.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*); 01 đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hồ Sỹ T; Cửa Phạm Cao T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY E5 màu đen (*Điện thoại đã qua sử dụng*); Cửa Vũ Đức C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S PLUS màu hồng (*Điện thoại đã qua sử dụng*); 525.000 đồng (*Năm trăm hai mươi năm nghìn đồng*); 01 đăng ký mô tô, xe máy mang tên Vũ Đức C; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đức C; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu xanh đen BKS 24B2 – 149.16; Cửa Nguyễn Thành L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen (*Điện thoại đã qua sử dụng*); 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*); Cửa An Văn C: 01 thẻ Đảng viên mang tên An Văn C; 31.100.000 đồng (*Ba mươi một triệu một trăm nghìn đồng*); 01 giấy phép lái xe mang tên An Văn C; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên An Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S màu trắng vàng (*Điện thoại đã qua sử dụng*); Thu giữ tại nhà Lưu Văn H: 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu xanh, đen BKS 24B1 – 0550; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu trắng đen BKS 24B1 – 018.31; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA VISION màu đỏ đen BKS 24B2 – 365.13; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu đỏ đen BKS 24B1 – 179.83 (*Toàn bộ 04 chiếc xe máy trên đều đã qua sử dụng*). Quá trình điều tra xác định những tài sản, giấy tờ trên không liên quan đến hành vi đánh bạc. Do vậy, ngày 12/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã ra quyết định xử lý vật chứng số 46 trả lại cho các bị cáo những giấy tờ, tài sản trên là có căn cứ.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Quang M, Nguyễn Tuấn A, Hoàng Anh T, Hồ Sỹ T, Phạm Cao T, Nguyễn Thành L, Vũ Đức C, An Văn C phạm tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự;

- Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Quang M 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn

A09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Cao T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Anh T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Bình M, thành phố L, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vũ Đức C 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng. Phạt bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Cam Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật này. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17, Điều 36; điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hồ Sỹ T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục. Phạt bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo An Văn C 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phạt, hàng tháng các bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng, 04 quân vị hình tròn cắt ra từ lá bài tứ lơ khơ và 01 tấm thảm nỉ màu đỏ, kích thước 2 x 2,02 mét.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 38.800.000 đồng (*Ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/8/2018).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (1);
- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND TP. Lào Cai (1);
- Công an TP. Lào Cai (1);
- Bị cáo (8);
- THA DS TP. Lào Cai (1);
- HS THA HS (1);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

Nguyễn Thị Lan Phương